

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2017/HNGĐ – ST**

Ngày: 12-7-2017

V/v tranh chấp: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

2. Ông Nguyễn Đăng Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
không tham gia phiên tòa

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm: 1982 (*có mặt tại phiên tòa*)

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nông Văn Đ, sinh năm: 1977 (*có mặt tại phiên tòa*)

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, đường L, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ưng Tiến Đ – Giám đốc chi nhánh
(*vắng mặt tại phiên tòa*)

Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, ký ngày 11/10/2001. Hai năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ ngoại tình, thường xuyên say xỉn rồi chửi mắng, đánh đập vợ con. Chị nhiều lần khuyên nhủ anh Đ, anh Đ cũng nhiều lần hứa sửa đổi bản thân nhưng anh Đ không thực hiện. Thời gian gần đây nhất là cách đây khoảng 01 tháng anh Đ dùng cây đánh chị. Hiện nay chị và anh Đ vẫn chung sống một nhà vì còn chăm sóc cho bố mẹ già, nhưng giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung. Con chung tên là Nông Thị Kim H sinh ngày 31/8/2001 và Nông Thị Kim N sinh ngày 11/9/2003. Hiện nay hai cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng để hai cháu quyết định việc chung sống với ai.

Đối với việc cấp dưỡng chị không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ có vay vốn tại Ngân hàng N với số tiền là 50.000.000đ. Vợ chồng chị đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình xét xử vụ án bị đơn anh Nông Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về việc đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng anh nhất trí với lời khai của chị Th. Bên cạnh đó, anh và chị Th xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng khắc khẩu, không hợp tính nhau. Anh và chị Th hiện nay vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Chị Th yêu cầu giải quyết ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về nuôi con chung: Anh đồng ý với lời khai của chị Th. Hiện nay hai cháu đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng để hai cháu quyết định việc chung sống với ai.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh đồng ý với lời khai của chị Th. Đối với khoản nợ chung anh và chị Th đã số nợ nói trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Ứng Tiến Đ là người đại diện cho Ngân hàng trình bày: Ngân hàng có cho hộ ông Nông Văn Đ và bà Nguyễn

Thị Thu Th vay số tiền 50.000.000đ, vay ngày 21/4/2017, thời hạn vay 01 năm, thỏa thuận lãi suất là 7%/năm. Khi vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BH 199647. Ông Đ và bà Th đã trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu và ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nông Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/10/2001. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nông Văn Đ là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo lời khai tại bút lục số 24 và tại phiên tòa anh Nông Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu Th đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ và chị Th thống nhất nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ thường xuyên uống rượu bia say xỉn, rồi mắng chửi, đánh đập vợ con. Mặt khác, anh Đ và chị Th xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đều có nguyện vọng giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Đ và chị Th.

[4] Về nuôi con chung: Anh Đ và chị Th xác nhận anh chị có 02 con chung. Con chung tên là Nông Thị Kim H sinh ngày 31/8/2001 và Nông Thị Kim N sinh ngày 11/9/2003. Hiện nay hai cháu đang sống với chị Th. Hai cháu đều có mong muốn được mẹ (chị Th) trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, anh Đ và chị Th có nguyện vọng tôn trọng sự lựa chọn của hai con. Xét nguyện vọng của anh Đ và chị Th đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu Hằng và cháu Ngân. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận nguyện vọng của anh Đ và chị Th giao cháu H và cháu N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Đ và chị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Đ và chị Th đều xác nhận có nợ ngân hàng N số tiền 50.000.000đ. Hiện nay số nợ này đã trả, Ngân hàng thừa nhận việc này. Anh Đ, chị Th và Ngân hàng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nông Văn Đ

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nông Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu Th. Giao Nông Thị Kim H sinh ngày 31/8/2001 và Nông Thị Kim N sinh ngày 11/9/2003 cho chị Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: anh Nông Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên

đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021224 ngày 24-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-7-2017). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh